TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2020/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 21/2020/TB-TA, ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thu P, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu dân cư H, Tổ 105, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu dân cư H, Tổ 105, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thu P và ông Nguyễn Đình H là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 30/6/2017 tại UBND xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà P và ông H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà P và ông H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà P và ông H thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Huyền T, sinh ngày 29/7/2018 và cháu Nguyễn Lê Hải V, sinh ngày 16/9/2019 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P và ông H thỏa thuận ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 17/01/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thu P và ông Nguyễn Đình H thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 44/2017 ngày 30/6/2017 của UBND xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà P và ông H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lê Huyền T, sinh ngày 29/7/2018 và cháu Nguyễn Lê Hải V, sinh ngày 16/9/2019 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Huyền T, sinh ngày 29/7/2018 và cháu Nguyễn Lê Hải V, sinh ngày 16/9/2019 cho bà P mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/con cho đến khi cháu T và cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thu P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Huy chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông H còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung là cháu Nguyễn Lê Huyền T và cháu Nguyễn Lê Hải V, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thu P và ông Nguyễn Đình H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thu P và ông Nguyễn Đình H mỗi người nộp số tiền là 150.000[đ] (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0041381 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Phong